

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY NƯỚC SẠCH HÀ NỘI

BÁO CÁO GIÁM SÁT NĂM 2023

Tháng 3 - 2024

Số 795/NSHN-TCKT
V/v: Báo cáo giám sát năm 2023

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Kính gửi: - Sở Tài chính Hà Nội

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát vốn nhà nước tại doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Căn cứ Thông tư số 77/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Công ty TNHH Một thành viên Nước sạch Hà Nội báo cáo Sở Tài chính, Chi cục Tài chính doanh nghiệp về tình hình quản lý vốn, tài sản, kết quả sản xuất kinh doanh và hiệu quả hoạt động của Công ty năm 2023 như sau:

1. Bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023
Tổng nguồn vốn chủ sở hữu	3.516.725	3.567.611
Trong đó		
- Vốn góp của chủ sở hữu	3.412.000	3.418.280
- Quỹ đầu tư phát triển	104.725	149.331
- Nguồn vốn đầu tư XDCB	0	0

Vốn chủ sở hữu trong kỳ đã được bảo toàn và phát triển.

2. Giám sát việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước

2.1 Hoạt động đầu tư các dự án

(Biểu 02A – Tình hình đầu tư và huy động vốn để đầu tư vào các dự án hình thành TSCĐ và XDCB).

2.2 Đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp

Đến 31/12/2023, tình hình đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, đầu tư khác như sau:

2.2.1 Đầu tư vào công ty con:

Đến 31/12/2023, số vốn góp của Công ty Nước sạch Hà Nội tại Công ty cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội: 548.914 triệu đồng, chiếm 96,64% vốn điều lệ.

Năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty về cơ bản vẫn giữ được tính ổn định, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh hoàn thành kế hoạch được giao, cụ thể: Tổng doanh thu năm 2023 của Công ty: 582.445 triệu đồng (đạt 115,6% % kế hoạch); lợi nhuận sau thuế 15.013 triệu đồng (đạt 100,2% kế hoạch).

Công ty Cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2022 theo đúng quy định của pháp luật và Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2023 số 21/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2023 là 6.807 triệu đồng; tỷ lệ chia cổ tức là 1,24% vốn điều lệ (Công ty Nước sạch Hà Nội đã hạch toán vào thu nhập hoạt động tài chính theo đúng quy định).

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đã thông qua tỷ lệ chia cổ tức đối với kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023. Mức chi trả cổ tức năm 2023 dự kiến là 1,32% vốn điều lệ.

2.2.2 Đầu tư vào công ty liên kết:

2.2.2.1 Đầu tư vào Công ty Cổ phần Viwaco:

- Số vốn góp của Công ty Nước sạch Hà Nội: 19.655,3 triệu đồng. Số lượng cổ phần nắm giữ: 7.584.880 cổ phần, chiếm 23,7% vốn điều lệ.

- Công ty Cổ phần Viwaco đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2022 theo đúng quy định của pháp luật và Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/03/2023 là 9.102 triệu đồng; tỷ lệ chia cổ tức là 12% vốn điều lệ (Công ty Nước sạch Hà Nội đã hạch toán vào thu nhập hoạt động tài chính theo đúng quy định).

- Tổng doanh thu năm 2023 của Công ty: 850.247 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế là 108.225 triệu đồng. Mức chi cổ tức năm 2023 dự kiến 12% vốn điều lệ.

2.2.2.2 Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hạ tầng Nước sạch Hà Nội:

- Số vốn đã góp của Công ty Nước sạch Hà Nội: 2 tỷ đồng, chiếm 20% vốn điều lệ. Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thống nhất thông qua Kế hoạch SXKD năm 2023 (với Lợi nhuận sau thuế là 500 triệu đồng) và thông qua phương án không phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2022 theo biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/07/2023.

- Tổng doanh thu năm 2023 của Công ty: 18.789 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế là 20 triệu đồng.

2.2.2.3 Đầu tư vào Công ty Cổ phần Nước mặt Sông Hồng:

- Số vốn góp của Công ty Nước sạch Hà Nội tại Công ty Cổ phần Nước mặt Sông Hồng đến 31/12/2023 là 47.964 triệu đồng, chiếm 8,65% vốn điều lệ (thực hiện theo tiến độ góp vốn của Công ty Cổ phần). Ngày 02/02/2024, Công ty Nước sạch Hà Nội đã thực hiện góp đủ số vốn là **110.931 triệu đồng**, chiếm 20% vốn điều lệ (thực hiện góp đủ số

vốn theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân TP Hà Nội tại văn bản số 5174/UBND-KT ngày 27/7/2015.

- Năm 2023, Công ty CP Nước mặt Sông Hồng đang trong giai đoạn đầu tư, chưa đi vào kinh doanh. Hiện nay, công ty đang thực hiện các hạng mục xây dựng nhà máy.

- Kết quả kinh doanh năm 2023: Tổng doanh thu: 422 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế là -2.857 triệu đồng.

2.2.2.4 Đầu tư vào Công ty cổ phần Tháp nước Hà Nội:

- Số vốn góp của Công ty Nước sạch Hà Nội tại Công ty Cổ phần Tháp nước Hà Nội: 59.340 triệu đồng, chiếm 30% vốn điều lệ.

- Kết quả kinh doanh năm 2023: Tổng doanh thu: 37.071 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế: 7.799 triệu đồng.

2.2.3 Đầu tư khác (Góp vốn vào Công ty cổ phần nước mặt Sông Đuống: số vốn đã góp 99.961 triệu đồng, chiếm 10% vốn điều lệ).

Kết quả kinh doanh năm 2023: Tổng doanh thu: 790.742 triệu đồng tăng 194,67% so với năm 2022, lợi nhuận sau thuế đạt -26.946 triệu đồng (cùng kì năm trước là -257.299 triệu đồng); lỗ lũy kế -1.135.831 triệu đồng. Kết quả kinh doanh năm 2023 của Công ty khả quan hơn các năm trước nguyên nhân chủ yếu do từ ngày 01/01/2023, Công ty cổ phần nước mặt Sông Đuống đã thực hiện tăng giá bán nước theo Quyết định số 3342/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hà Nội là 8.326 đồng/m³).

Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty cổ phần nước mặt Sông Đuống đạt kết quả lợi nhuận sau thuế -26.946 triệu đồng nhưng Công ty Nước sạch Hà Nội không thực hiện trích lập dự phòng rủi ro tài chính do đã thực hiện trích lập dự phòng đầu tư rủi ro tài chính với giá trị lũy kế là 99.961.100.000 đồng (qua các năm 2019-2020-2021-2022).

2.3 Huy động vốn và sử dụng vốn (phụ lục 02 A chi tiết kèm theo)

Việc cân đối nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, đáp ứng đầy đủ nguồn vốn ngắn hạn, dài hạn cho hoạt động của công ty.

Vốn vay được sử dụng đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả, trả nợ đúng hạn. Công ty không có nợ quá hạn tại các tổ chức tín dụng.

2.4 Tình hình quản lý tài sản, quản lý nợ tại doanh nghiệp, khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu

2.4.1 Quản lý, sử dụng tài sản:

a. Quản lý tài sản ngắn hạn:

- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản: 31,29%
- Tiền và các khoản tương đương tiền: 279.525 triệu đồng.
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: 1.325.000 triệu đồng.
- Các khoản phải thu ngắn hạn: 147.123 triệu đồng (chiếm 1,41% tổng tài sản).

- Quản lý hàng tồn kho và tài sản ngắn hạn khác: Hàng tồn kho 93.287 triệu đồng, tài sản ngắn hạn khác 61.622 triệu đồng.

b. Quản lý tài sản dài hạn:

Tài sản dài hạn đạt 4.186.802 triệu đồng, chiếm 68,71% trên tổng tài sản, trong đó chủ yếu là tài sản cố định 2.998.148 triệu đồng chiếm 71,61% trong tài sản dài hạn.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến ngày 31/12/2023, nợ phải trả của Công ty là 2.390.257 triệu đồng, chiếm 39,23% tổng nguồn vốn, trong đó chủ yếu là khoản phải trả, phải nộp liên quan đến các dự án nguồn vốn ngân sách ứng trước có hoàn trả từ khấu hao TSCĐ và các khoản vay, nợ dài hạn phục vụ cho đầu tư phát triển (hiện tại Công ty đang thực hiện thanh toán nợ phải trả theo hợp đồng, đúng kỳ hạn, không có nợ quá hạn). Tổng nợ vay dài hạn 1.183.070 triệu đồng.

Công ty đã mở sổ theo dõi nợ phải trả cho từng đối tượng theo quy định. Công ty đã ban hành Quy chế quản lý nợ theo Quyết định 869/NSHN-HĐTV ngày 10/6/2014. Công nợ được quản lý chặt chẽ, hàng năm việc đối chiếu công nợ được thực hiện theo quy định trước khi khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Công ty không có công nợ phải trả quá hạn.

- Khả năng thanh toán hiện hành: Tổng tài sản/Nợ phải trả: 2,55 lần (6.093.358 triệu đồng/2.390.257 triệu đồng)

- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn: Tổng TS ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn: 3,13 lần (1.906.556 triệu đồng/608.637 triệu đồng).

- Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu: 0,61 lần (3.346.451 triệu đồng/5.532.089 triệu đồng).

Qua các chỉ tiêu trên cho thấy, Công ty đảm bảo được khả năng thanh toán hiện hành và khả năng thanh toán nợ đến hạn.

2.4.2 Tình hình lưu chuyển tiền tệ

Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của công ty ổn định, lượng tiền lưu thông đảm bảo tốt khả năng thanh toán nợ đến hạn và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Dòng tiền của hoạt động đầu tư chủ yếu phục vụ việc mua sắm tài sản, đầu tư có kỳ hạn, thu từ hoạt động đầu tư là cốt lõi từ việc đầu tư vào công ty liên kết.

Dòng tiền hoạt động tài chính là lãi tiền gửi và thanh toán lãi vay.

3. Giám sát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Ngày 27/04/2023, UBND thành phố có văn bản số 2355/QĐ-STC giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động năm 2023 và văn bản số 5100/STC-TCDN2 ngày 31/08/2023 về việc điều chỉnh một số chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh; đánh giá hiệu quả hoạt động năm 2023 của Công ty TNHH Một thành viên Nước sạch Hà Nội.

Đến 31/12/2023, tình hình thực hiện kế hoạch năm 2023 của công ty như sau:

3.1 Doanh thu và thu nhập khác:

- Tổng doanh thu 2.193.141 triệu đồng, bằng 108,93% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, trong đó:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 2.062.507 triệu đồng.

+ Thu nhập hoạt động tài chính: 107.383 triệu đồng (bao gồm lãi tiền gửi có kỳ hạn, chênh lệch tỉ giá ngoại tệ, cổ tức được chia trong năm tại của công ty con, công ty liên kết).

+ Thu nhập khác: 23.251 triệu đồng do trong năm Công ty ghi nhận doanh thu tăng đột biến do hạch toán thu nhập bất thường từ khoản viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Bỉ cho dự án LekReduce là 17.557 triệu đồng; thanh lý tài sản vật tư sau kiểm kê, hạch toán tăng thu nhập bất thường sau khi xử lý công nợ và ghi nhận tăng tài sản do tiếp nhận bàn giao từ chủ đầu tư là BQL dự án quận Tây Hồ.

- Công ty đã thực hiện mở sổ theo dõi chi tiết doanh thu và thu nhập trong các năm tài chính.

Tổng doanh thu năm 2023 của Công ty đạt 108,93% kế hoạch Công ty đề ra. Nguyên nhân chính là do giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hà Nội được điều chỉnh từ 01/07/2023 và tình hình sản xuất kinh doanh trên địa bàn thành phố cơ bản đã phục hồi sau đại dịch Covid 19. Bên cạnh đó, do thuận lợi khách quan từ tình hình thế giới, tỷ giá đồng Yên Nhật giảm đáng kể nên khi đánh giá lại khoản nợ vay ngoại tệ theo quy định công ty đã được hạch toán thu nhập tài chính đối với khoản chênh lệch tỷ giá 6.189 triệu đồng.

3.2 Chi phí:

Tổng chi phí trong năm 2023 Công ty đã thực hiện chi là 1.942.706 triệu đồng, trong đó giá vốn hàng bán: 1.022.792 triệu đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp: 117.642 triệu đồng, chi phí bán hàng: 717.764 triệu đồng, chi phí tài chính: 83.730 triệu đồng, chi phí khác: 778 triệu đồng.

Trong năm 2023, các khoản chi phí cơ bản được quản lý chặt chẽ, hợp lý. Chi phí hoạt động nước đạt 1.819.506 triệu đồng, tương đương 107% so với kế hoạch. Nguyên nhân các chi phí hoạt động nước tăng do các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng, thay thế đồng hồ định kì đã giãn hoãn nhiều năm phải khẩn trương triển khai để đáp ứng chất lượng dịch vụ cấp nước. Bên cạnh đó, nhu cầu sử dụng nước tăng lên sau thời gian dịch bệnh Covid 19, Công ty chủ động tăng sản lượng nước tự sản xuất và mua buôn nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của người dân thủ đô. Vì vậy chi phí phục vụ sản xuất cũng phát sinh tăng theo.

3.3 Kết quả sản xuất kinh doanh:

- Tổng lợi nhuận trước thuế: 250.436 triệu đồng.

- Tổng lợi nhuận sau thuế: 200.448 triệu đồng, bằng 131,17 % kế hoạch.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) = 5,41%.

- Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) = 3,29%

Đánh giá chung: mặc dù gặp nhiều khó khăn vào thời điểm đầu năm nhưng Công ty Nước sạch Hà Nội đã quyết tâm và có các giải pháp cụ thể để thực hiện tốt nhiệm vụ cấp nước, kế hoạch lợi nhuận, tỉ suất lợi nhuận sau thuế, đảm bảo khả năng thanh toán và hoàn thành các nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước cũng như các tổ chức tín dụng.

Tổng doanh thu toàn Công ty từ các hoạt động trong năm 2023 đạt 2.193.141 triệu đồng, tương đương 108,93% kế hoạch Ủy ban nhân dân TP Hà Nội giao, (trong đó doanh thu hoạt động nước đạt 2.035.030 triệu đồng, đạt 106% kế hoạch Công ty đề ra, tương đương tăng 106.826 triệu đồng và chiếm 92.79% tổng doanh thu).

Lợi nhuận trước thuế Công ty tăng 33,89% so với kế hoạch, tương ứng 63.388 triệu đồng, chủ yếu đến từ lợi nhuận hoạt động tài chính (tăng 59.832 triệu đồng so với kế hoạch). Hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch là hoạt động chính thấp hơn kế hoạch được phê duyệt 4.740 triệu đồng, tương ứng 2%, phù hợp với lộ trình điều chỉnh giá nước sinh hoạt trên địa bàn Thành phố. Giá mua nước Sông đống điều chỉnh tăng 8.326 đồng/m³ từ ngày 01/01/2023 trong khi giá bán nước sạch sinh hoạt chỉ được điều chỉnh từ 01/07/2023, trong năm 2023 Công ty phát sinh chi phí tăng do điều chỉnh giá là 134 tỷ đồng. Việc điều chỉnh giá nước sạch từ ngày 01/7/2023 rất kịp thời, giúp cho Công ty tháo gỡ khó khăn, giảm áp lực chi phí. Bên cạnh đó, do thuận lợi khách quan từ tình hình thế giới, tỉ giá đồng Yên Nhật giảm đáng kể nên khi đánh giá lại khoản nợ vay ngoại tệ theo quy định công ty đã được hạch toán thu nhập tài chính đối với khoản chênh lệch tỷ giá.

3.4 Thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước;

Công ty thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước kịp thời, đúng quy định. Tổng số đã nộp ngân sách trong năm 2023 là 390.261 triệu đồng (đã bao gồm tiền chậm nộp), tăng 127,03% so với năm 2022 (Tổng số đã nộp ngân sách trong năm 2022 là 307.231 triệu đồng).

3.5 Phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

Đến ngày 31/12/2023, Công ty đã thực hiện tạm trích các quỹ và nộp lợi nhuận còn lại năm 2023 vào ngân sách nhà nước, cụ thể như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển: 0 đồng.
- Trích quỹ thưởng viên chức doanh nghiệp: 598.381.992 đồng (1,5 tháng lương thực hiện).
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 73.791.929.562 đồng (3 tháng lương thực hiện)

Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế sẽ được điều chỉnh sau khi được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt chính thức.

4. Giám sát việc cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại công ty con, công ty liên kết, đầu tư khác.

4.1 Việc cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp:

Đối với công tác này ngày 06/6/2023, UBND Thành phố Hà Nội ban hành văn bản số 166/KH-UBND về việc Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có

vốn nhà nước thuộc UBND Thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025. Tại phụ lục. Văn bản số 166/KH-UBND phê duyệt tiếp tục duy trì Công ty TNHH một thành viên Nước sạch Hà Nội trong giai đoạn 2022-2025 (giữ nguyên mô hình Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ).

Ngày 25/07/2023, Công ty đã có văn bản số 1849/NSHN-TCKT ngày 25/07/2023 về việc báo cáo tình hình thực hiện công tác cổ phần hóa và quyết toán chi phí liên quan đến cổ phần hóa tại Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội. Trong đó, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội, Sở Tài chính Hà Nội xem xét cho phép Công ty quyết toán các chi phí liên quan đến công tác cổ phần hóa (đã có đủ chứng từ hợp lý hợp lệ).

Ngày 03/08/2023, Sở Tài chính có Văn bản số 4500/STC-TCĐN2 ngày 03/08/2023 về việc xử lý chi phí cổ phần hóa khi tạm dừng chưa thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội, với nội dung yêu cầu “ Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội có trách nhiệm chủ động xử lý các khoản chi phí CPH đã phát sinh do tạm dừng chưa thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ; chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu về việc quyết định nội dung chi, mức chi đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật.”. Theo đó, Công ty Nước sạch Hà Nội đã thực hiện quyết toán và hạch toán các khoản chi phí Cổ phần hóa phát sinh theo đúng quy định gồm: Chi phí tập huấn: 117.000.000 đồng, chi phí tư vấn xác định giá trị DN, xác định giá khởi điểm: 81.818.181 đồng và hạch toán vào chi phí SXKD năm 2023 và loại trừ khi tính thuế TNDN theo quy định hiện hành.

4.2 Việc triển khai xây dựng Đề án Cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025:

Ngày 18/8/2022, Công ty Nước sạch Hà Nội đã có công văn số 2065/NSHN-TCKT gửi UBND Thành phố, Sở Tài chính về việc báo cáo Đề án tái cơ cấu lại Công ty giai đoạn 2021-2025.

Thực hiện theo nội dung hướng dẫn của UBND Thành phố Hà Nội tại văn bản số 166/KH-UBND ngày 06/6/2023 về việc Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc UBND Thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025. Tại phụ lục, Văn bản số 166/KH-UBND phê duyệt tiếp tục duy trì Công ty TNHH một thành viên Nước sạch Hà Nội trong giai đoạn 2022-2025 (giữ nguyên mô hình Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ).

Ngày 18/8/2023, Sở Tài chính có văn bản số 4831/STC-TCĐN1 và 4832/STC-TCĐN1 về việc xây dựng rà soát, hoàn thiện đề án tái cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn 2022-2025, trong đó gửi kèm đề cương mẫu “Đề án Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2023-2025”.

Ngày 08/12/2023, Công ty Nước sạch Hà Nội đã có công văn số 3431/NSHN-TCKT gửi Sở Tài chính, Chi cục Tài chính doanh nghiệp về việc báo cáo Đề án tái cơ cấu lại doanh nghiệp Nhà nước giai đoạn 2023-2025 của Công ty Nước sạch Hà Nội theo Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

4.3 Việc cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại công ty con, công ty liên kết:

a. Việc cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại Công ty con:

- Công ty cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội: vốn góp 548.914 triệu đồng, chiếm 96,64% vốn điều lệ. Tại văn bản số 5506/STC-TCDN ngày 27/8/2020, Sở Tài chính đã báo cáo UBND thành phố Hà Nội và đề xuất nguyên tắc điều chỉnh “*Đối với các ngành nghề kinh doanh phù hợp với ngành nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp nhà nước thì dừng thực hiện thoái vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước để tập trung hoàn thành công tác cổ phần hóa theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ*”.

Ngày 08/12/2023, Công ty Nước sạch Hà Nội đã có công văn số 3431/NSHN-TCKT gửi Sở Tài chính và Chi cục Tài chính doanh nghiệp về việc báo cáo Đề án tái cơ cấu lại Công ty giai đoạn 2023-2025; trong đó, tại mục IV.3 Cơ cấu lại Công ty Con, Công ty liên kết, Công ty đề xuất tiếp tục *duy trì tỷ lệ vốn góp tại Công ty Nước sạch số 2 Hà Nội là 96,64% vốn điều lệ* để đảm bảo ổn định hoạt động SXKD, cấp nước, thực hiện nhiệm vụ chính trị do thành phố giao.

b. Việc cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại Công ty liên kết:

- Công ty Cổ phần Viwaco: vốn góp 19.655,3 triệu đồng, chiếm 23,7% vốn điều lệ.

- Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng hạ tầng Nước sạch Hà Nội: vốn góp 2 tỷ đồng, chiếm 20% vốn điều lệ.

- Số vốn góp của Công ty Nước sạch Hà Nội tại Công ty Cổ phần Nước mặt Sông Hồng đến 31/12/2023 là 47.964 triệu đồng, chiếm 8,65% vốn điều lệ (thực hiện theo tiến độ góp vốn của Công ty Cổ phần). Ngày 02/02/2024, Công ty Nước sạch Hà Nội đã thực hiện góp đủ số vốn là **110.931 triệu đồng**, chiếm 20% vốn điều lệ (thực hiện góp đủ số vốn theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân TP Hà Nội tại văn bản số 5174/UBND-KT ngày 27/7/2015).

Các doanh nghiệp trên không có trong danh mục thoái vốn của Công ty.

- Công ty cổ phần Tháp nước Hà Nội: đã góp vốn 59.340 triệu đồng, chiếm 30% vốn điều lệ. Tại văn bản 3431/NSHN-TCKT ngày 08/12/2023 gửi Sở Tài chính và Chi cục Tài chính doanh nghiệp về việc báo cáo Đề án tái cơ cấu lại Công ty giai đoạn 2023-2025, Công ty Nước sạch Hà Nội đã đề xuất cho phép *tiếp tục thực hiện thoái vốn nhà nước đầu tư tại Công ty Cổ phần Tháp nước Hà Nội*.

Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội sẽ căn cứ nội dung Đề án được phê duyệt để xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác thoái vốn theo quy định.

c. Đầu tư khác

Công ty cổ phần nước mặt Sông Đuống, theo chỉ đạo của UBND thành phố Hà Nội, Công ty Nước sạch Hà Nội góp 10% vốn điều lệ, hiện đã góp vốn 99.961 triệu đồng, tương đương 10% vốn điều lệ.

Theo nội dung công văn số 3431/NSHN-TCKT gửi Sở Tài chính và Chi cục Tài chính doanh nghiệp về việc báo cáo Đề án tái cơ cấu lại Công ty giai đoạn 2023-2025; trong đó, tại mục IV.3, Công ty đề xuất “*Thành phố xem xét cho phép Công ty tăng tỷ lệ vốn góp lên*

mức 36-51% vốn điều lệ (nếu đủ điều kiện), để tạo thuận lợi cho công tác ổn định hoạt động sản xuất, an ninh nguồn nước cho thành phố”.

5. Giám sát thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp trách nhiệm và quyền lợi khác đối với người lao động, người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp theo quy định của Bộ luật Lao động.

Ngày 04/01/2024, Sở lao động thương binh và xã hội đã ban hành văn bản số 26/SLĐTBXH-LĐTLBHXH về việc phê duyệt tiền lương, thù lao thực hiện năm 2022 và kế hoạch năm 2023 của người quản lý Công ty Nước sạch Hà Nội. Theo đó kế hoạch Quỹ tiền lương thù lao của người quản lý chuyên trách là 3.894.064.200 đồng, của người quản lý không chuyên trách là 94.149.080 đồng. Công ty đã thực hiện chi trả đến 31/12/2023 là 2.737.559.772 đồng, số còn phải trả: 2.049.496.164 đồng. Công ty sẽ báo cáo Sở Lao động thương binh và xã hội phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2023 theo đúng quy định.

Số tiền lương còn lại phải trả cho Người quản lý, Kiểm soát viên của Công ty sẽ thực hiện sau khi có kết quả đánh giá hoàn thành nhiệm vụ theo quy định.

Quỹ lương thực hiện của người lao động trong năm 2023 là: 295.167.718.248 đồng. Đến nay, Công ty Nước sạch Hà Nội đã thực hiện chi trả tiền lương cho người lao động theo đúng quy định pháp luật.

Công ty TNHH Một thành viên Nước sạch Hà Nội kính báo cáo Sở Tài chính, Chi cục tài chính doanh nghiệp.

Nơi nhận:

- Như trên
- HĐTV (để b/c)
- KSV Công ty
- Lưu

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
NƯỚC SẠCH HÀ NỘI**



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Quốc Hùng

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB 2023

(Ban hành kèm theo Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

STT	Tên dự án	Quy mô công suất	Nhóm dự án				Quyết định phê duyệt	Tổng mức đầu tư					Thời gian đầu tư theo KH	Nguồn vốn huy động 2023			Giá trị khối lượng thực hiện năm 2023			Giải ngân năm 2023			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng
			A	B	C	KT KT		Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%		Tổng số	Thời hạn vay (năm)	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện năm 2023	Đến 31/12/2023	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện năm 2023	Đến 31/12/2023	
TỔNG CỘNG							1,712,956	1,132,812	66%	580,144	34%		77,361			120,451	233,934	354,385	120,451	233,934	354,385	273,745	
I	Các dự án nguồn						126,230	126,230	100%	-	0%		-	-	-	18,109	16,296	34,405	18,109	16,296	34,405	30,636	
A	Các dự án nhóm B																						
	<i>Không có</i>																						
B	Các dự án nhóm C và BCKTKT																						
1	Cải tạo nhà Clo và xây mới nhà hóa chất, thay thế máy ép bùn cho NMN Yên Phụ	Cải tạo dây chuyền xử lý nước				x	15,573	15,573	100%	-	0%	2024				179	3,619	3,798	179	3,619	3,798		
2	Cải tạo hệ thống xử lý thu hồi nước rửa lọc và hệ thống Clo NMN Lương Yên	Cải tạo dây chuyền xử lý nước				x	13,636	13,636	100%	-	0%	2024				-	-	-	-	-	-	-	
3	Cải tạo HT xử lý thu hồi nước rửa lọc NMN Ngõ sỷ Liên	Cải tạo dây chuyền xử lý nước					9,091	9,091	100%	-	0%	2024				9,415		9,415	9,415	-	9,415	8,882	
4	Khoan thay thế giếng VCH1, TC2 NMN Mai Dịch	Khoan thay thế giếng				x	11,000	11,000	100%	-	0%	2022				3,082		3,082	3,082	-	3,082	4,832	
5	Khoan thay thế giếng CD11, CD14 NMN Cáo Đình	Khoan thay thế giếng				x	11,000	11,000	100%	-	0%	2022				3,229		3,229	3,229	-	3,229	5,103	
6	Cải tạo hệ thống xử lý thu hồi nước rửa lọc và hệ thống Clo cho NMN Ngọc Hà	Cải tạo dây chuyền xử lý nước				x	14,091	14,091	100%	-	0%	2024				183		183	183	-	183	183	
7	Cải tạo bể chứa Tram Giảng Võ	Cải tạo dây chuyền xử lý nước				x	5,455	5,455	100%	-	0%	2024						-	-	-	-	-	
8	Khoan thay thế các giếng YPH23-YPH24 NMN yên Phụ	Khoan thay thế giếng				x	11,000	11,000	100%	-	0%	2023				1,882	4,417	6,299	1,882	4,417	6,299	5,954	
9	Khoan thay thế các giếng YPH44-YPH45 NMN yên Phụ	Khoan thay thế giếng				x	7,476	7,476	100%	-	0%	2023				322	5,880	6,202	322	5,880	6,202	5,865	
10	Khoan thay thế các giếng YPH32-YPH34 NMN yên Phụ	Khoan thay thế giếng				x	7,527	7,527	100%	-	0%	2024				682		682	-	682	682		
10	Khoan thay thế các giếng YPH25-YPH29 NMN yên Phụ	Khoan thay thế giếng				x	9,784	9,784	100%	-	0%	2024				713		713	-	713	713		

STT	Tên dự án	Quy mô công suất	Nhóm dự án				Quyết định phê duyệt	Tổng mức đầu tư					Thời gian đầu tư theo KH	Nguồn vốn huy động 2023			Giá trị khối lượng thực hiện năm 2023			Giải ngân năm 2023			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng	
			A	B	C	KT KT		Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%		Tổng số	Thời hạn vay (năm)	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện năm 2023	Đến 31/12/2023	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện năm 2023	Đến 31/12/2023		
1	Bổ sung điểm đầu và tuyến ống truyền dẫn cấp nước cho khu vực thị trấn Quang Minh, Chi Đông - huyện Mê Linh	Xây dựng mới MLCN					870/NSHN-CTCN ngày 18/04/2022	35,455	35,455	100%	-	0%	2021-2022				12,754	17,521	30,275	12,754	17,521	30,275	27,693	
2	Cấp nước cho các hộ dân còn lại xã Ngũ Hiệp, Ngọc Hồi, Liên Ninh, xây dựng tuyến ống PP DN225 bổ sung nguồn nước cho ÔTT2, ÔTT3, ÔTT5 huyện Thanh Trì	Xây dựng mới MLCN						14,900	14,900	100%		0%	2023-2024					454	454		454	454		
3	XD mạng lưới cấp nước cho các xã Nhị Khê, Duyên Thái, Ninh Sở, Khánh Hà, Hòa Bình, huyện Thường Tín (Gđ I)	Xây dựng mới MLCN						255,000	89,250	35%	165,750	65%	2024-2025					72	72		72	72		
4	XD mạng lưới cấp nước cho các xã Bình Yên, Hạ Bằng, Tân Xã và một phần xã Thạch Hòa huyện Thạch Thất (Gđ I)	Xây dựng mới MLCN						192,000	67,200	35%	124,800	65%	2024-2025					81	81		81	81		
IV	Các dự án khác							353,705	353,705		-						-	11,505	15,807	27,312	11,505	15,807	27,312	23,683
A	Các dự án nhóm C và BCKTKT																							
1	Xây dựng hoàn thiện tuyến ống TD DN600 trên đường Vành đai II theo quy hoạch (Giai đoạn 1)	Cầu trúc lại MLCN để đảm bảo cấp nước an toàn			x			263,636	263,636	100%	-	0%	2023-2024					283	283		283	283		
2	XD tuyến ống DN400 cấp nước tăng cường cho khu Ngoại giao đoàn theo quy hoạch (Giai đoạn 1)	Cầu trúc lại MLCN để đảm bảo cấp nước an toàn			x			54,545	54,545	100%	-	0%	2023-2024											
3	Xây dựng tuyến ống DN600, dọc tuyến đường nối Vành đai 2, vành đai 3 đầu nối hoàn thiện MLTĐ TD theo quy hoạch	Cầu trúc lại MLCN để đảm bảo cấp nước an toàn			x		816/NSHN-CTCN ngày 13/4/2022	30,342	30,342	100%	-	0%	2022-2023				11,332	14,222	25,554	11,332	14,222	25,554	23,683	
4	Xây dựng đoạn ống D600 cắt qua đê tại K59+420 đê Hữu Hồng (cửa khẩu Nhật Tân, ngõ 464 Âu Cơ)	Xây dựng hệ thống phần mềm quản lý			x		3249/NSHN-CTCN ngày 29/12/2022	5,182	5,182	100%	-	0%	2023-2024				173	1,302	1,475	173	1,302	1,475		

Ghi chú: Số liệu từ cột (2) đến cột (12) theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền. Các dự án nêu trên là dự án do doanh nghiệp làm chủ đầu tư hoặc thuộc quyền quản lý của doanh nghiệp

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2023

CÔNG TY NƯỚC SẠCH HÀ NỘI

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Quốc Hùng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

DVT: triệu đồng

STT	Tên công ty con, công ty liên kết	Vốn góp của doanh nghiệp, giá trị đầu tư						Vốn điều lệ 31/12/2023	Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết	Doanh thu		Lợi nhuận sau thuế		Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia trên vốn đầu tư (%)	Tỷ lệ lợi nhuận được chia trên vốn đầu tư (%)	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn của công ty con, công ty liên kết	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu của công ty con công ty liên kết
		Giá trị vốn góp			Tỷ lệ vốn góp (%)					Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023				
		Kế hoạch	Tại thời điểm 31/12/22	Tại thời điểm 31/12/23	Kế hoạch	Tại thời điểm 31/12/22	Tại thời điểm 31/12/23										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
I	Công ty con																
1	CTCP Nước sạch số 2 Hà Nội		548,914	548,914		96.64%	96.64%	568,000	568,000	503,263	582,445	14,161	15,013	6,807	1.24%	> 1	1.50
II	Công ty liên kết																
1	CTCP Viwaco		19,655	19,655		23.70%	23.70%	320,000	320,000	683,532	850,247	87,249	108,225	9,102	12.0%	> 1	1.10
2	CTCP Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Nước sạch Hà Nội		2,000	2,000		20.00%	20.00%	10,000	10,000	6,429	18,789	1	20			>1	1.00
3	CTCP nước mặt Sông Hồng		47,964	47,964		8.65%	8.65%	554,655	554,655	1,169	422	(403)	(2,857)				4.44
4	CTCP Tháp nước Hà Nội		59,340	59,340		30.00%	30.00%	197,800	197,800	21,554	37,071	(5,222)	7,799			>1	2.40
III	Đầu tư tài chính		1,324,961	1,424,961	-	0	0	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
1	CTCP nước mặt Sông Đuống		99,961	99,961		10.00%	10.00%	999,611	999,611	406,204	790,742	(257,298)	(26,946)			<1	4.07
2	Đầu tư tài chính khác		1,225,000	1,325,000													

Ghi chú:

Cột "3" đến "8": số vốn góp, vốn đầu tư của doanh nghiệp tại công ty con, công ty liên kết, giá gốc của các khoản đầu tư

Cột "9": Vốn Điều lệ của công ty con, công ty liên kết

Cột "10": Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm báo cáo

Cột "11" và "12": doanh thu của công ty con, công ty liên kết

Cột "13" và "14": Lợi nhuận của công ty con, công ty liên kết

Cột "15": Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia của năm báo cáo căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên của doanh nghiệp có vốn góp

Các cột có đánh dấu x không cần điền dữ liệu

Đánh giá của doanh nghiệp

Đánh giá của doanh nghiệp về hiệu quả đầu tư vốn tại công ty con, công ty liên kết: Đến hết tháng 12/2023, việc đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên kết đúng quy định.

Các công ty con, công ty liên kết đều hoạt động ổn định. Đối với các công ty đang thực hiện triển khai xây dựng (Công ty CP Nước mặt Sông Hồng) đã có bộ máy tài chính kế toán hoàn chỉnh, thực hiện các hoạt động đầu tư theo đúng quy định pháp luật.

Đánh giá của doanh nghiệp về hiệu quả đầu tư tài chính năm báo cáo: Các công ty con, công ty liên kết đều hoạt động kinh doanh có lợi nhuận.

Đối với khoản đầu tư góp 10% vốn cổ phần tại Công ty CP Nước mặt Sông Đuống: từ ngày 01/01/2023, Công ty CP nước mặt Sông Đuống đã chính thức được phê duyệt giá bán buôn nước sạch sinh hoạt tại Quyết định số 3342/QĐ-UBND. Tuy nhiên Công ty vẫn đang ghi nhận lỗ lũy kế -1.135.831 triệu đồng. Công ty Nước sạch Hà Nội đã thực hiện trích lập dự phòng theo quy định từ năm 2019-2022.

Công ty còn đầu tư tài chính qua việc gửi tiền ngân hàng, các khoản này chủ yếu gửi ngắn hạn và sẵn sàng để đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các ngân hàng dịch vụ là các ngân hàng ổn định tài chính, có uy tín.

Người lập biểu

(Ký)



Trần Hoài Hương

Tổng Giám đốc

(Ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Hùng

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

DVT: triệu đồng

Nội dung	Cùng kỳ năm 2021	Cùng kỳ năm 2022	Thực hiện năm 2023		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch	Thực hiện	Cùng kỳ năm 2021	Cùng kỳ năm 2022	Kế hoạch năm
	1	2	3	4	5=(4)/(1)	6=(4)/(2)	7=(4)/(3)
A. Chi tiêu sản xuất kinh doanh							
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu	220,840,506	225.699,923	233.205,269	240,008,743	108.68%	106.34%	102.92%
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu	188,840,803	195.837,350	203.127,388	212,286,086	112.42%	108.40%	104.51%
3. Tồn kho cuối kỳ							
B. Chi tiêu tài chính							
1. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,567,700	1,685,635	1,957,044	2,062,507	131.56%	122.36%	105.39%
2. Giá vốn hàng bán	743,082	810,689	972,171	1,022,791	137.64%	126.16%	
3. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	824,618	874,946	984,873	1,039,716	126.08%	118.83%	
4. Doanh thu hoạt động tài chính	77,309	75,783	56,300	107,383	138.90%	141.70%	190.73%
5. Chi phí tài chính	120,002	90,449	92,479	83,730	69.77%	92.57%	
6. Chi phí bán hàng	546,272	580,247	645,579	717,764	131.39%	123.70%	
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	67,322	91,012	116,068	117,642	174.75%	129.26%	
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	168,332	189,021	187,047	227,963	135.42%	120.60%	
9. Thu nhập khác	4,353	1,623		23,251	534.14%	1432.59%	
10. Chi phí khác	9,387	3,176		778	8.29%	24.50%	
11. Lợi nhuận khác	-5,034	-1,553	0	22,473	-446.42%	-1447.07%	

Nội dung	Cùng kỳ năm 2021	Cùng kỳ năm 2022	Thực hiện năm 2023		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch	Thực hiện	Cùng kỳ năm 2021	Cùng kỳ năm 2022	Kế hoạch năm
	1	2	3	4	5=(4)/(1)	6=(4)/(2)	7=(4)/(3)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	163,298	187,468	187,047	250,436	153.36%	133.59%	133.89%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	33,583	37,488	34,229	49,988	148.85%	133.34%	146.04%
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại							
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN	129,715	149,979	152,817	200,448	154.53%	133.65%	131.17%

Ghi chú: Cột (1), (2): Theo BCTC các năm trước liền kề năm Báo cáo. Thông tin về chỉ tiêu tài chính lấy từ báo cáo tài chính

Người lập biểu
(Ký)

Trần Hoài Hương

Trần Hoài Hương

Tổng Giám đốc
(Ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Quốc Hùng

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển sang kỳ sau
1. Thuế				
- Thuế môn bài	-	11,000,000	11,000,000	-
- Thuế GTGT	166,525,239	983,298,942	1,319,361,295	(169,537,114)
- Thuế TNDN	(5,434,805,458)	49,987,954,086	42,505,537,963	2,047,610,665
- Thuế đất	(1,601,607,053)	8,612,589,942	8,609,292,085	(1,598,309,196)
- Thuế Tài nguyên	5,302,917,200	58,350,682,000	58,373,784,400	5,279,814,800
- Thuế Thu nhập cá nhân	85,439,002	2,990,294,604	3,032,632,866	43,100,740
2. Các khoản phải nộp khác				-
- Nộp phạt				-
- Phí, lệ phí	74,783,156,241	181,338,935,439	168,939,298,900	87,182,792,780
- Các khoản phải nộp khác	4,388,823.110	324,792,000	293,406.615	4,420,208,495
3. Nộp Ngân sách nhà nước phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định			107,842,672,386	

B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 2023
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Dư cuối kỳ
1. Quỹ Đầu tư phát triển	104.724,690,869	44,605,901,606		149,330,592,475
2. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	17.514,062,195	68,336,457,838	61,131,046,642	24,719,473,391
3. Quỹ thưởng VCQLDN	265,330,728	516,131,466	357,000,000	424,462,194
4. Quỹ Hỗ trợ sắp xếp DN	-			-
5. Quỹ Khoa học công nghệ	97,080,000,000	23,000,000,000	4,300,000,000	115,780,000,000

Ghi chú: Thông tin lấy từ báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhà nước

Người lập biểu
(Ký)



Trần Hoài Hương

Tổng Giám đốc
(Ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Quốc Hùng

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG DNNN THUỘC THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM 2023

Tên doanh nghiệp	Cơ quan cấp trên trực tiếp	Loại hình DN		Chỉ tiêu 1			Chỉ tiêu 2				Xếp loại	Chỉ tiêu 3			Nợ quá hạn (tr.đồng)	Xếp loại	Chỉ tiêu 4		Xếp loại hoạt động viên chức quản lý doanh nghiệp			Xếp loại doanh nghiệp 2023			
		DN 100% vốn NN	CTCP trên 50% vốn NN	Doanh thu và thu nhập khác (tr.đồng)			Lợi nhuận (tr.đồng)		Vốn CSH bình quân (tr.đồng)			Tỷ suất L/N/Vốn CSH (%)		Khả năng thanh toán nợ đến hạn			Tình hình chấp hành pháp luật hiện hành	Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của viên chức quản lý							
				Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	Xếp loại	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023		Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	TSNH (tr.đồng)			Nợ NH (tr.đồng)	TSNH/NNH (lần)	Xếp loại	Thực hiện tốt	Không thực hiện tốt		Hoàn thành suất sắc NV	Hoàn thành NV	Không hoàn thành NV
Tổng công ty, công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con																									
CT TNHH MTV Nước sạch Hà Nội (CT mẹ)	UBND Thành phố Hà Nội	X		2 013 344	2 193 141	A	152 817	200 448	3 561 326	3 551 747	4,29%	5,64%	A	1 906 556	608 638	3,13	0	A	A	X		X		A	

Người lập biểu

(Ký)

Trần Hoài Hương

Công ty Nước sạch Hà Nội



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Quốc Hùng